**Phụ lục số 01**

**TRƯỞNG KTNB**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG**  **NƯỚC NGOÀI**  Số: ……/……… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *……, ngày … tháng … năm …* |

**BÁO CÁO**

**KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KIỂM SOÁT NỘI BỘ**

**(Năm ...)**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

**I. Tình hình thực hiện KSNB:**

**1) Đối với hoạt động kiểm soát:**

a) Mô tả hoạt động kiểm soát theo nguyên tắc ba tuyến bảo vệ;

b) Quy định nội bộ:

(i) Liệt kê các quy định nội bộ đã ban hành theo các nội dung quy định tại Điều 93 Luật các tổ chức tín dụng;

(ii) Tính phù hợp, tuân thủ của các quy định nội bộ đối với quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan *(kết quả tự đánh giá);*

(iii) Tình hình tuân thủ quy định nội bộ của các cá nhân, bộ phận;

c) Kết quả tự kiểm tra, đánh giá hoạt động kiểm soát *(đánh giá hoạt động kiểm soát theo quy định tại Điều 14, 15 và 16 Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài).*

**2. Đối với cơ chế trao đổi thông tin và hệ thống thông tin quản lý:**

a) Mô tả về hệ thống thông tin quản lý;

b) Cơ chế trao đổi thông tin;

c) Đánh giá hệ thống thông tin quản lý và cơ chế trao đổi thông tin trong việc đáp ứng các quy định tại Điều 19 và 20 Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

**3. Tồn tại, hạn chế của kiểm soát nội bộ:**

**II. Kết quả xử lý, khắc phục các hạn chế, yếu kém của kiểm soát nội bộ theo kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác:**

**III. Đề xuất, kiến nghị đối với Ngân hàng Nhà nước:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**  *(ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Phụ lục số 02**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG**  **NƯỚC NGOÀI**  Số: ……/……… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *……, ngày … tháng … năm …* |

**BÁO CÁO**

**VỀ QUẢN LÝ RỦI RO**

**(Năm...)**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

**I. Chính sách quản lý rủi ro:**

1. Khẩu vị rủi ro:

2. Các hoạt động trọng yếu và rủi ro trọng yếu:

3. Thay đổi về chính sách quản lý rủi ro, khẩu vị rủi ro trong kỳ báo cáo, lý do thay đổi:

**II. Quản lý các rủi ro cụ thể:**

**1. Quản lý rủi ro tín dụng:**

a) Chiến lược quản lý rủi ro tín dụng, các thay đổi trong kỳ báo cáo (nếu có) và lý do thay đổi;

b) Hạn mức rủi ro tín dụng, các thay đổi trong kỳ báo cáo (nếu có) và lý do thay đổi;

c) Tình hình thực hiện chiến lược quản lý rủi ro tín dụng, hạn mức rủi ro tín dụng trong kỳ báo cáo;

d) Đánh giá về việc đo lường (các phương pháp, mô hình đo lường rủi ro tín dụng), theo dõi, kiểm soát rủi ro tín dụng;

đ) Các trường hợp vi phạm về quản lý rủi ro tín dụng, lý do vi phạm;

e) Các tồn tại, hạn chế, vướng mắc trong quản lý rủi ro tín dụng và nguyên nhân;

g) Kết quả thực hiện kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, kiểm toán độc lập, cơ quan chức năng khác đối với quản lý rủi ro tín dụng.

**2. Quản lý rủi ro thị trường:**

a) Chiến lược quản lý rủi ro thị trường, các thay đổi trong kỳ báo cáo (nếu có) và lý do thay đổi;

b) Hạn mức rủi ro thị trường, các thay đổi trong kỳ báo cáo (nếu có) và lý do thay đổi;

c) Tình hình thực hiện chiến lược quản lý rủi ro thị trường, hạn mức rủi ro thị trường trong kỳ báo cáo;

d) Đánh giá về việc đo lường (các phương pháp, mô hình đo lường rủi ro thị trường), theo dõi, kiểm soát rủi ro thị trường;

đ) Các trường hợp vi phạm về quản lý rủi ro thị trường, lý do vi phạm;

e) Các tồn tại, hạn chế, vướng mắc trong quản lý rủi ro thị trường và nguyên nhân;

g) Kết quả thực hiện kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, kiểm toán độc lập, cơ quan chức năng khác đối với quản lý rủi ro thị trường.

**3. Quản lý rủi ro hoạt động:**

a) Chiến lược quản lý rủi ro hoạt động, các thay đổi trong kỳ báo cáo (nếu có) và lý do thay đổi;

b) Hạn mức rủi ro hoạt động, các thay đổi trong kỳ báo cáo (nếu có) và lý do thay đổi;

c) Tình hình thực hiện chiến lược quản lý rủi ro hoạt động, hạn mức rủi ro hoạt động trong kỳ báo cáo;

d) Đánh giá về việc đo lường (các phương pháp, công cụ đo lường rủi ro hoạt động), theo dõi, kiểm soát rủi ro hoạt động;

đ) Các trường hợp vi phạm về quản lý rủi ro hoạt động, lý do vi phạm;

e) Đánh giá tác động của các sự kiện rủi ro hoạt động và tổn thất trọng yếu;

g) Đánh giá hiệu quả của việc mua bảo hiểm rủi ro hoạt động (nếu có) và việc xây dựng kế hoạch duy trì hoạt động liên tục;

h) Các tồn tại, hạn chế, vướng mắc trong quản lý rủi ro hoạt động và nguyên nhân;

i) Kết quả thực hiện kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, kiểm toán độc lập, cơ quan chức năng khác đối với quản lý rủi ro hoạt động.

**4. Quản lý rủi ro thanh khoản:**

a) Chiến lược quản lý rủi ro thanh khoản, các thay đổi trong kỳ báo cáo (nếu có) và lý do thay đổi;

b) Hạn mức rủi ro thanh khoản, các thay đổi trong kỳ báo cáo (nếu có) và lý do thay đổi;

c) Tình hình thực hiện chiến lược quản lý rủi ro thanh khoản, hạn mức rủi ro thanh khoản trong kỳ báo cáo;

d) Đánh giá về việc đo lường (các công cụ đo lường rủi ro thanh khoản), theo dõi, kiểm soát rủi ro thanh khoản;

đ) Kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản:

(i) Các giả định đã sử dụng trong kịch bản có diễn biến bất lợi;

(ii) Phương pháp tính toán tác động của các giả định;

- Mô tả phương pháp sử dụng;

- Đánh giá tính phù hợp của phương pháp (nêu rõ điểm mạnh, hạn chế);

e) Kế hoạch dự phòng nhằm đảm bảo khả năng thanh khoản;

g) Các trường hợp vi phạm về quản lý rủi ro thanh khoản, lý do vi phạm;

h) Các tồn tại, hạn chế, vướng mắc trong quản lý rủi ro thanh khoản và nguyên nhân;

i) Kết quả thực hiện kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, kiểm toán độc lập, cơ quan chức năng khác đối với quản lý rủi ro thanh khoản.

**5. Quản lý rủi ro tập trung:**

a) Chiến lược quản lý rủi ro tập trung, các thay đổi trong kỳ báo cáo (nếu có) và lý do thay đổi;

b) Hạn mức rủi ro tập trung, các thay đổi trong kỳ báo cáo (nếu có) và lý do thay đổi;

c) Tình hình thực hiện chiến lược quản lý rủi ro tập trung, hạn mức rủi ro tập trung trong kỳ báo cáo;

d) Các trường hợp vi phạm về quản lý rủi ro tập trung, lý do vi phạm;

đ) Các tồn tại, hạn chế, vướng mắc trong quản lý rủi ro tập trung và nguyên nhân;

e) Kết quả thực hiện kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, kiểm toán độc lập, cơ quan chức năng khác đối với quản lý rủi ro tập trung.

**6. Quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng:**

a) Chiến lược quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, các thay đổi trong kỳ báo cáo (nếu có) và lý do thay đổi;

b) Hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, các thay đổi trong kỳ báo cáo (nếu có) và lý do thay đổi;

c) Tình hình thực hiện chiến lược quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng trong kỳ báo cáo;

d) Các trường hợp vi phạm về quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, lý do vi phạm;

đ) Các tồn tại, hạn chế, vướng mắc trong quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng và nguyên nhân;

e) Kết quả thực hiện kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, kiểm toán độc lập, cơ quan chức năng khác đối với quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng.

**III. Đề xuất, kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**  *(ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Phụ lục số 03**

**HƯỚNG DẪN CÁCH XÁC ĐỊNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ VỐN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài)*

**I. Vốn mục tiêu:**

**1. Vốn kinh tế:**

Vốn kinh tế (**CE)** được xác định theo công thức sau đây:

**CE = RWA\*E  x CARTarget +** ∆**RWA B x CARR**

Trong đó:

a) **CARTarget :** Tỷ lệ an toàn vốn mục tiêu trong khẩu vị rủi ro (%);

b) **CARR :** Tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (%);

c) ∆**RWAB:** Giá trị chênh lệch dương giữa Tổng tài sản tính theo rủi ro trong kịch bản có diễn biến bất lợi trừ đi Tổng tài sản tính theo rủi ro trong kịch bản hoạt động bình thường;

d) **RWA\*E:** Tổng tài sản tính theo rủi ro trong kịch bản hoạt động bình thường được xác định theo công thức sau đây:

**RWA\*E  = RWACR + RWAOR + RWAMR+ RWAIRRBB + RWACOR + RWAOMR**

Trong đó:

- **RWACR**: Tổng tài sản tính theo rủi ro tín dụng;

- **RWAOR**: Tổng tài sản tính theo rủi ro hoạt động;

- **RWAMR**: Tổng tài sản tính theo rủi ro thị trường;

- **RWAIRRBB**: Tổng tài sản tính theo rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng;

- **RWACOR**: Tổng tài sản tính theo rủi ro tập trung;

- **RWAOMR**: Tổng tài sản tính theo các rủi ro trọng yếu khác (không bao gồm rủi ro thanh khoản).

(i) **RWACR, RWAOR, RWAMR** được xác định theo phương pháp của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự xây dựng hoặc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về tổng tài sản có tính theo rủi ro tín dụng, vốn yêu cầu đối với rủi ro hoạt động, vốn yêu cầu đối với rủi ro thị trường.

(ii) Tổng tài sản tính theo rủi ro tập trung (**RWACOR**) được tính theo công thức sau đây:

**RWACOR = RWA1COR + RWA2COR**

Trong đó:

- **RWA1COR**: Tổng tài sản tính theo rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụngđược xác định theo phương pháp của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự xây dựng nhưng không thấp hơn mức **RWA1\*COR** được xác định như sau:

+ Công thức xác định:

**RWA1\*COR**= Max{(Ei-10%xC); 0} + Max{(Ej - 20%xC); 0}

Trong đó:

+ Ei: Tổng dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng; không bao gồm các khoản cấp tín dụng có hệ số rủi ro bằng 0%, các khoản cấp tín dụng đã trừ khỏi Vốn tự có theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

+ Ej: Tổng dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan; không bao gồm các khoản cấp tín dụng có hệ số rủi ro bằng 0%, các khoản cấp tín dụng đã trừ khỏi Vốn tự có theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

+ C: Vốn tự có của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xác định theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

+ **RWA2COR**: Tổng tài sản tính theo rủi ro tập trung đối với hoạt động tự doanh được xác định theo phương pháp của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự xây dựng.

(iii) **RWAIRRBB** và **RWAOMR** được xác định theo phương pháp của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự xây dựng.

**2. Vốn mục tiêu (CTarget) được xác định theo công thức sau đây:**

**CTarget = Max (CR, CE)**

Trong đó:

(i) **CR**: Vốn tự có để đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(ii) **CE**: Vốn kinh tế được xác định theo điểm 1 Mục này.

**II. Vốn tự có dự kiến (CA)**

Vốn tự có dự kiến **(CA)** là mức vốn tự có xác định theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trên cơ sở kế hoạch kinh doanh tối thiểu 03 năm tiếp theo và không quá 05 năm tiếp theo với các giả định sau:

- Không có kế hoạch tăng vốn;

- Không có yêu cầu bổ sung vốn cho công ty con, công ty liên kết, các khoản đã góp vốn, mua cổ phần;

- Tỷ lệ chia cổ tức bằng tỷ lệ chia cổ tức bình quân của 03 năm gần nhất;

- Phần lợi nhuận giữ lại sau khi chia cổ tức được bổ sung vốn.

**III. Tỷ suất giữa lợi nhuận có điều chỉnh rủi ro so với Vốn tự có (Risk Adjusted Returns on Capital - RAROC).**

RAROC là tỷ lệ phần trăm giữa tổng lợi nhuận trước thuế so với Vốn kinh tế (CE) được xác định tại điểm 1 Mục I Phụ lục này.

**Phụ lục số 04**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG**  **NƯỚC NGOÀI**  Số: ……/……… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *……, ngày … tháng … năm …* |

**BÁO CÁO**

**ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ VỀ MỨC ĐỦ VỐN**

**(Năm...)**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

**1. Tình hình thực hiện tỷ lệ an toàn vốn mục tiêu trong năm báo cáo (năm t0):**

a) Đánh giá việc tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

b) Đánh giá việc thực hiện tỷ lệ an toàn vốn mục tiêu.

**2. Khẩu vị rủi ro:**

a) Các hoạt động trọng yếu và rủi ro trọng yếu:

b) Khẩu vị rủi ro:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | | **Năm t0** | **Năm t0+1** | **Năm t0+2** | **Năm t0+3** |
| Tỷ lệ an toàn vốn mục tiêu CARtarget (%) | |  |  |  |  |
| Chỉ tiêu về thu nhập | ROE (%) |  |  |  |  |
| RAROC (%) |  |  |  |  |

**3. Vốn mục tiêu:**

a) Vốn mục tiêu:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Vốn mục tiêu** | **Đơn vị** | **Năm**  **t0** | **Năm**  **t0+1** | **Năm**  **t0+2** | **Năm**  **t0+3** |
| **I** | **Vốn theo quy định của NHNN** | | | | | |
| 1 | RWA | tỷ đồng |  |  |  |  |
| 2 | CARR | % |  |  |  |  |
| 3 | CR *(=RWA\*CARR)* | tỷ đồng |  |  |  |  |
| **II** | **Vốn mục tiêu** | | | | | |
| 1 | RWA\*E | tỷ đồng |  |  |  |  |
|  | RWACR | tỷ đồng |  |  |  |  |
|  | RWAOR | tỷ đồng |  |  |  |  |
|  | RWAMR | tỷ đồng |  |  |  |  |
|  | RWACOR | tỷ đồng |  |  |  |  |
|  | RWAIRRBB | tỷ đồng |  |  |  |  |
|  | RWAOMR | tỷ đồng |  |  |  |  |
| 2 | ∆RWA B | tỷ đồng |  |  |  |  |
| 3 | CARtarget | % |  |  |  |  |
| 4 | CE = RWA\*E  x CARTarget + ∆RWA B x CARR | tỷ đồng |  |  |  |  |
| 5 | CTarget = Max (CR ,CE) | tỷ đồng |  |  |  |  |
| **III** | **Chênh lệch giữa vốn tự có dự kiến và vốn mục tiêu** | | | | | |
| 1 | CA | tỷ đồng |  |  |  |  |
| 2 | Chênh lệch  = CA - CTarget | tỷ đồng |  |  |  |  |

*Ghi chú:*

- RWA là tổng tài sản tính theo rủi ro theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

- Các chỉ tiêu khác theo quy định tại Phụ lục số 03 Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài .

b) Phương pháp xác định RWACR , RWAOR , RWAMR, RWAIRRBB , RWACOR, RWAOMR và ∆RWAB:

(i) Mô tả phương pháp sử dụng;

(ii) Đánh giá tính phù hợp của phương pháp (nêu rõ điểm mạnh, hạn chế);

(iii) Nội dung điều chỉnh các thành phần (biến số, tham số, giả định...) của phương pháp trong kỳ báo cáo (nếu có).

**4. Kiểm tra sức chịu đựng về vốn:**

a) Các giả định đã sử dụng trong kịch bản có diễn biến bất lợi;

b) Phương pháp tính toán tác động của các giả định đối với tỷ lệ an toàn vốn theo từng loại rủi ro:

(i) Mô tả phương pháp sử dụng;

(ii) Đánh giá tính phù hợp của phương pháp (nêu rõ điểm mạnh, hạn chế);

(iii) Nội dung điều chỉnh các thành phần (biến số, tham số, giả định...) của phương pháp trong kỳ báo cáo (nếu có);

(iv) Kết quả tính toán ∆RWAB.

**5. Kế hoạch vốn:**

a) Nguồn tăng vốn (bao gồm thời gian, lộ trình, dự kiến các giải pháp tăng vốn);

b) Kế hoạch phân bổ vốn;

c) Kế hoạch về vốn cho kịch bản có diễn biến bất lợi khi kiểm tra sức chịu đựng;

d) Các mức cảnh báo sớm đối với trường hợp không đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn.

**6. Rà soát quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn:**

a) Kết quả rà soát (bao gồm kết quả thực hiện kiến nghị của năm trước);

b) Kiến nghị, đề xuất và kế hoạch thực hiện (nếu có).

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**  *(ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Phụ lục số 05**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG**  **NƯỚC NGOÀI**  Số: ……/……… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *……, ngày … tháng … năm …* |

**BÁO CÁO**

**VỀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ**

**(Năm ...)**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

**I. Nội dung kiểm toán, phạm vi kiểm toán nội bộ:**

**II. Kết quả kiểm toán nội bộ:**

1. Tình hình tuân thủ cơ chế, chính sách, quy định nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và đánh giá nội bộ về mức đủ vốn của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Tính thích hợp, tuân thủ quy định của pháp luật của cơ chế, chính sách, quy định nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và đánh giá nội bộ về mức đủ vốn.

3. Tồn tại, hạn chế và các kiến nghị đối với Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc).

4. Các nội dung khác (nếu có).

**III. Kết quả tự đánh giá kiểm toán nội bộ của ngân hàng thương mại:**

1. Đánh giá kết quả thực hiện kiểm toán nội bộ trong năm báo cáo.

2. Đánh giá quy định nội bộ của Ban kiểm soát (bao gồm cả kết quả rà soát, đánh giá tính thích hợp, tuân thủ quy định của pháp luật của quy định nội bộ của Ban kiểm soát) trong năm báo cáo.

3. Các kiến nghị của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), cá nhân, bộ phận đối với kiểm toán nội bộ đã được thực hiện, chưa được thực hiện trong năm báo cáo.

**IV. Kết quả thực hiện các kiến nghị về kiểm toán nội bộ của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác:**

1. Các kiến nghị đã thực hiện.

2. Các kiến nghị chưa thực hiện.

**V. Đề xuất, kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**  *(ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)* | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**  *(ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |